BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số 2984 /QĐ-BNN-KH	*Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương, dự toán, kế hoạch đấu thầu khảo sát lập Báo cáo KTKT: Cải tạo, xây dựng đường và hạ tầng Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Tây Nguyên

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008, số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 của Quốc hội; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các văn bản pháp lý liên quan;

Căn cứ Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-BNN-KH ngày 15/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép lập Báo cáo KTKT Cải tạo, xây dựng đường và hạ tầng Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Tây Nguyên;

Xét tờ trình số 48/TTr-ĐTN ngày 18/10/2010 của Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Tây Nguyên về việc xin phê duyệt đề cương, dự toán khảo sát lập dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, dự toán chi phí khảo sát và kế hoạch đấu thầu lập dự án đầu tư: Cải tạo, xây dựng đường và hạ tầng Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Tây Nguyên với các nội dung sau:

1. Nội dung và khối lượng công việc:

1.1. Khảo sát địa hình, địa chất :

Chủ đầu tư căn cứ khối lượng nghiệm thu thực tế hoàn thành và trên cơ sở dự toán được phê duyệt, định mức chi phí và các quy định hiện hành về quản lý dự án; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình để thanh toán cho nhà thầu theo đúng qui định của nhà nước. Trình Bộ phê duyệt Báo cáo KTKT trước 30/4/2011.

Điều 2. Giao Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện các công việc trên theo đúng tiến độ, nội dung đề cương được duyệt; quản lý chất lượng, giám sát, nghiệm thu, thanh toán và xử lý mọi phát sinh trong quá trình thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Viện trưởng Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Tây Nguyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 ;
- Bộ Tài Chính ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc NN Đắk Lắk;
- Lưu VT, KH(3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Hoàng Văn Thắng

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN KHẢO SÁT, LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP HẠ TẦNG TRUNG TÂM NC ĐẤT, PHÂN BÓN VÀ MÔI TRƯỜNG TÂY NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2984/QĐ-BNN-KH ngày 08 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Chi phí	Cách tính	Giá trị	Kí hiệu
A	**CHI PHÍ KHẢO SÁT**			
	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ		Bảng Tính	
	Chi phí vật liệu		2,588,003	A
	Chi phí nhân công		34,089,262	B
	Chi phí máy		920,853	C
I	**CHI PHÍ TRỰC TIẾP**	VL + NC + M		
1	Chi phí vật liệu	A x 1	2,588,003	VL
2	Chi phí nhân công	B * 1,53	52,156,570	NC
3	Chi phí máy thi công	C * 1	920,853	M
	Cộng chi phí trực tiếp	VL+NC+M	**55,665,426**	T
II	**CHI PHÍ CHUNG**	**NC x 70%**	**36,509,599**	C
	Gía thành dự toán khảo sát	T+C	**92,175,025**	Z
III	**THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC**	**(T+C) X 6%**	**5,530,501**	TL
	Giá trị dự toán trước thuế	T + C + TL	97,705,526	Gks
	Chi phí lập phương án, báo cáo kết quả	Gks x 5%	4,885,276	Cpa
	Chi phí chỗ ở tạm thời	Gks x 5%	4,885,276	Cot
IV	**GIÁ TRỊ KHẢO SÁT XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ**		107,476,079	G
V	**THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU RA**	**G * 10%**	**9,770,553**	GTGT
VI	**GIÁ TRỊ DỰ TOÁN KHẢO SÁT SAU THUẾ**	G+GTGT	**117,246,632**	Gdt
B	**CHI PHÍ LẬP DỰ ÁN (Tạm tính)**	**TMtt x 1,9%**	**275,000,000**	
	TỔNG KINH PHÍ KHẢO SÁT, LẬP DỰ ÁN		***392,246,632***	

Bằng chữ (làm tròn): Ba trăm chín hai triệu, hai trăm bốn sáu ngàn đồng)

Phụ lục 2

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG VÀ HẠ TẦNG TRUNG TÂM NC ĐẤT, PHÂN BÓN VÀ MÔI TRƯỜNG TÂY NGUYÊN

HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH, ĐỊA CHẤT LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

TT	Mã hiệu	Nội dung công việc	KL	Đơn vị	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					VL	NC	M	VL	NC	M
I		**Khảo sát địa hình, cấp địa hình III**								
1	CO.01103	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn	2.0	km	187,260	2,112,260	31,900	374,520	4,224,520	63,800
2	CO.01203	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn	4.8	km	256,390	2,745,200	68,410	1,230,672	13,176,960	328,368
3	CM.02203	Khảo sát bình đồ dọc tuyến TL 1/500; ĐM 1,0m	6.0	ha	24,063	831,656	23,544	144,378	4,989,936	141,264
4	CM.02203	Khảo sát bình đồ nút giao TL1/500; ĐM 1,0m	1.5	ha	24,063	831,656	23,544	36,095	1,247,484	35,316
5	CK.04303	Đường truyền cấp 2	6.0	điểm	27,074	705,803	10,274	162,444	4,234,818	61,644
6	CL.03103	Lập lưới cao độ kỹ thuật	2.0	km	3,185	314,263	2,844	6,370	628,526	5,688
7	CM.02103	Khảo sát bình đồ cửa xả TL1/500; ĐM 0,5m	0.75	ha	24,063	917,286	25,386	18,047	687,965	19,040
8	CO.01103	Đo vẽ mặt cắt dọc cửa xả trên cạn	0.25	km	187,206	2,115,260	31,900	46,802	528,815	7,975
9	CO.01203	Đo vẽ mặt cắt ngang cửa xả trên cạn	0.60	km	256,390	2,745,200	68,410	153,834	1,647,120	41,046
II		**Khảo sát địa chất**								
1	CA.01201	Đào hố thăm dò địa chất dọc tuyến	8.0	m3	37,211	191,354		297,688	1,530,832	0
2	CP.03401	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn	2.0	mẫu	58,577	596,143	108,356	117,154	1,192,286	216,712
		Cộng						**2,588,003**	**34,089,262**	**920,853**